

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thúy Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên
Bà Lê Thị Lan Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thúy Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Công	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh Thanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thúy Phương - Tổng giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thủy Phương

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 032902/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thành An 77

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 3.158.099.826 đồng. Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu của khoản mục này tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đồng thời, Công ty cũng chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay và phí phạt chậm trả của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam là 75.221.096.832 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ đối với khoản chi phí lãi vay này theo quy định kế toán hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2023, khoản mục "Chi phí phải trả" sẽ tăng lên số tiền là 75.221.096.832 đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Trong năm 2023, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh của khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với số tiền là 10.235.673.207 đồng. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ đối với khoản chi phí lãi vay này theo quy định kế toán hiện hành, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục "Chi phí phải trả" sẽ tăng lên số tiền là 10.235.673.207 đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục "Chi phí tài chính" sẽ tăng lên số tiền 10.235.673.207 đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn số tiền là 196.673.653.540 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 198.865.393.310 đồng); tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty đã vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 191.280.131.584 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 191.377.385.857 đồng), các khoản công nợ phải trả đã quá hạn thanh toán. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 03 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không kiểm kê được hàng tồn kho và việc Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nam.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.320.364.864	3.769.099.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48.883.585	481.695.863
1. Tiền	111	V.1	48.883.585	481.695.863
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.966.371	74.185.199
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	8.999.625.715	9.041.344.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		392.416.192	373.916.192
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	6.841.947.470	6.841.947.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4a	(16.183.023.006)	(16.183.023.006)
III. Hàng tồn kho	140		3.158.099.826	3.191.958.843
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.158.099.826	3.191.958.843
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.415.082	21.259.238
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.600.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	62.415.082	19.659.238
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.393.521.956	7.488.007.453
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		61.950.000	61.950.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	1.619.387.931	1.619.387.931
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	61.950.000	61.950.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.4b	(1.619.387.931)	(1.619.387.931)
II. Tài sản cố định	220		4.906.907.580	7.424.032.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.906.907.580	7.424.032.704
- Nguyên giá	222		153.866.363.455	153.866.363.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.959.455.875)	(146.442.330.751)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		367.987.883	367.987.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(367.987.883)	(367.987.883)
III. Tài sản dài hạn khác	260		424.664.376	2.024.749
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	424.664.376	2.024.749
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.713.886.820	11.257.106.596

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		199.994.018.404	202.634.492.453
I. Nợ ngắn hạn	310		199.994.018.404	202.634.492.453
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	11.534.237.845	11.037.030.214
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	2.199.716.545	2.270.593.681
3. Phải trả người lao động	314		27.176.900	152.756.477
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	854.531.165	2.250.628.178
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	99.094.518.532	89.538.646.486
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	86.283.837.417	97.384.837.417
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(191.280.131.584)	(191.377.385.857)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(191.222.966.536)	(191.320.220.809)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.408.773.482	13.408.773.482
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(205.189.353.618)	(205.286.607.891)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(205.286.607.891)	(198.296.258.433)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		97.254.273	(6.990.349.458)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(57.165.048)	(57.165.048)
1. Nguồn kinh phí	431		(57.165.048)	(57.165.048)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.713.886.820	11.257.106.596

Nguyễn Anh Dũng
Người lập biểu

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.691.672.907	2.269.527.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.691.672.907	2.269.527.268
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.030.610.408	8.351.284.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.338.937.501)	(6.081.756.740)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	265.201	176.152
7. Chi phí tài chính	22		-	11.703.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.703.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	672.449.675	381.004.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.011.121.975)	(6.474.288.375)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	2.212.991.115	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	104.614.867	516.061.083
13. Lợi nhuận khác	40		2.108.376.248	(516.061.083)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.254.273	(6.990.349.458)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		97.254.273	(6.990.349.458)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	73	(5.213)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	73	(5.213)

Nguyễn Anh Dũng
Người lập biểu

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	1.883.355.023	2.335.993.848
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(236.153.600)	(97.440.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(444.658.630)	(16.200.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(182.289.000)
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(734.620.272)	(2.029.850.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	467.922.521	10.214.123
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	265.201	176.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	265.201	176.152
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	850.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.751.000.000)	(1.474.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(901.000.000)	(1.474.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(432.812.278)	(1.464.109.725)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	481.695.863	1.945.805.588
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	48.883.585	481.695.863

Nguyễn Anh Dũng
Người lập biểu

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thành An 77 được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700100257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2008. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 08 năm 2022.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THANH AN 77 JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 08 năm 2022 là: 13.409.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng), vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Đồng Mười, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, vôi đá và thạch cao; Khai thác cát đá, sỏi, đất sét; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12 người (tại 31 tháng 12 năm 2022 là 02 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn số tiền là 196.673.653.540 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 198.865.393.310 đồng); tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty đã vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 191.280.131.584 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 191.377.385.857 đồng). Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đã quá hạn thanh toán. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Ban Tổng giám đốc tin tưởng vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ và sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chủ nợ sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ trong vòng 12 tháng kể từ ngày Báo cáo tài chính được Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua.

Ban Tổng giám đốc quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của các nội dung trên.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản vô hình là phần mềm máy tính và hệ thống quản lý chất lượng ISO và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 7 đến 10 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công ty bị cưỡng chế hóa đơn theo Quyết định số 560/QĐ-CTHNA-KDT và Thông báo số 2838/TB-CTHNA0KDT của Cục thuế tỉnh Hà Nam ngày 11/07/2023.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	44.464.536	167.636.884
Tiền gửi ngân hàng	4.419.049	314.058.979
Cộng	48.883.585	481.695.863

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
XN XD 51 - CTCP Đầu tư và XL Thành An 665	1.965.800.000	1.965.800.000
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.358.429.000	1.358.429.000
Đào Xuân Hiếu - TT62	1.127.481.520	1.127.481.520
Nguyễn Đình Thuận - TT63	863.873.000	863.873.000
Đinh Thị Huệ - TT63	511.563.599	511.563.599
Hoàng Văn Đôn - TT61	441.127.264	441.127.264
Các đối tượng khác	2.731.351.332	2.773.070.160
Cộng	8.999.625.715	9.041.344.543
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Các khách hàng khác	482.677.475	482.677.475
Cộng	1.619.387.931	1.619.387.931

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu khác	6.841.947.470	6.841.947.470
<u>Trong đó:</u>		
+ Ông Nguyễn Bá Uyển	3.730.682.153	3.730.682.153
+ Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Liêm	899.000.000	899.000.000
+ Các đối tượng khác	2.212.265.317	2.212.265.317
Cộng	6.841.947.470	6.841.947.470
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	61.950.000	61.950.000
Cộng	61.950.000	61.950.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Phải thu khách hàng						
XN XD 51 - CTCP Đầu tư và XL Thành An 665	8.967.559.344	-	(8.967.559.344)	8.967.559.344	-	(8.967.559.344)
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.965.800.000	-	(1.965.800.000)	1.965.800.000	-	(1.965.800.000)
Đào Xuân Hiểu - TT62	1.358.429.000	-	(1.358.429.000)	1.358.429.000	-	(1.358.429.000)
Nguyễn Đình Thuận - TT63	1.127.481.520	-	(1.127.481.520)	1.127.481.520	-	(1.127.481.520)
Đinh Thị Huê - TT63	863.873.000	-	(863.873.000)	863.873.000	-	(863.873.000)
Phải thu khách hàng khác	511.563.599	-	(511.563.599)	511.563.599	-	(511.563.599)
Phải thu khác	3.140.412.225	-	(3.140.412.225)	3.140.412.225	-	(3.140.412.225)
Nguyễn Bá Uyển	6.841.947.470	-	(6.841.947.470)	6.841.947.470	-	(6.841.947.470)
Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Liêm	3.730.682.153	-	(3.730.682.153)	3.730.682.153	-	(3.730.682.153)
Phạm Tuấn Thanh	899.000.000	-	(899.000.000)	899.000.000	-	(899.000.000)
Phải thu các đối tượng khác	624.862.014	-	(624.862.014)	624.862.014	-	(624.862.014)
Trả trước cho người bán	1.587.403.303	-	(1.587.403.303)	1.587.403.303	-	(1.587.403.303)
Công ty CP chế tạo máy biến áp Điện lực Hà Nội	373.516.192	-	(373.516.192)	373.516.192	-	(373.516.192)
Nguyễn Văn Ánh	250.000.000	-	(250.000.000)	250.000.000	-	(250.000.000)
Công ty CP tự động hóa bách khoa TNT	87.025.892	-	(87.025.892)	87.025.892	-	(87.025.892)
Cộng	36.490.300	-	(36.490.300)	36.490.300	-	(36.490.300)
	16.183.023.006	-	(16.183.023.006)	16.183.023.006	-	(16.183.023.006)
b. Dài hạn						
Phải thu khách hàng						
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	-	(624.097.258)	624.097.258	-	(624.097.258)
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	-	(512.613.198)	512.613.198	-	(512.613.198)
Các khách hàng khác	482.677.475	-	(482.677.475)	482.677.475	-	(482.677.475)
Cộng	1.619.387.931	-	(1.619.387.931)	1.619.387.931	-	(1.619.387.931)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.158.099.826	-	3.191.958.843	-
Cộng	3.158.099.826	-	3.191.958.843	-

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	51.308.228.332	100.280.474.481	2.021.179.575	256.481.067	153.866.363.455
Số dư cuối năm	51.308.228.332	100.280.474.481	2.021.179.575	256.481.067	153.866.363.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	44.982.926.391	99.181.743.718	2.021.179.575	256.481.067	146.442.330.751
Khấu hao trong năm	1.418.432.095	1.108.552.560	-	-	2.526.984.655
Giảm khác	-	9.859.531	-	-	9.859.531
Số dư cuối năm	46.401.358.486	100.280.436.747	2.021.179.575	256.481.067	148.959.455.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	6.325.301.941	1.098.730.763	-	-	7.424.032.704
Số dư cuối năm	4.906.869.846	37.734	-	-	4.906.907.580

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 135.174.356.368 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 64.796.228.330 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 4.906.907.580 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.424.032.704 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	40.000.000	327.987.883	367.987.883
Số dư cuối năm	40.000.000	327.987.883	367.987.883
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	40.000.000	327.987.883	367.987.883
Số dư cuối năm	40.000.000	327.987.883	367.987.883
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 367.987.883 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 367.987.883 đồng).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.614.489	2.024.749
Chi phí sửa chữa kho	419.049.887	-
Cộng	424.664.376	2.024.749

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cơ khí Lắp máy LILAMA Ninh Bình	1.668.805.689	-	1.668.805.689	-
Công ty Khoáng sản & Thương mại Hà Tĩnh	1.501.720.700	-	1.501.720.700	-
Công ty CP Than Sông Hồng	1.110.027.560	-	1.110.027.560	-
Phải trả các đối tượng khác	7.253.683.896	-	6.756.476.265	-
Cộng	11.534.237.845	-	11.037.030.214	-

(*) Do tính hình tài chính của Công ty đang khó khăn nên Công ty chưa xác định có khả năng trả các khoản nợ này.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	62.411.082	213.996.541	256.748.385	19.659.238				
Thuế tài nguyên	4.000	2.020.000	2.016.000	-				
Cộng	62.415.082	216.016.541	258.764.385	19.659.238				
b. Các khoản phải nộp								
Thuế thu nhập cá nhân	1.450.000	1.450.000	1.800.000	1.800.000				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	214.114.200	214.114.200	-				
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	2.198.266.545	104.614.867	175.142.003	2.268.793.681				
Cộng	2.199.716.545	320.179.067	391.056.203	2.270.593.681				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép	-	1.396.097.013
Lãi vay phải trả	854.531.165	854.531.165
Cộng	854.531.165	2.250.628.178

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	10.150.140	172.419.117
Bảo hiểm xã hội	-	209.978.780
Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.084.368.392	89.156.248.589
<u>Trong đó:</u>		
+ Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	43.067.096.159	43.067.096.159
+ Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV (i)	40.743.811.395	40.743.811.395
+ Ông Nguyễn Bá Uyển (ii)	10.500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	4.773.460.838	5.345.341.035
Cộng	99.094.518.532	89.538.646.486

Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan - **300.000.000**
(Chi tiết tại thuyết minh VII.1 - Bên liên quan)

- (i) Khoản phải trả Tổng Công ty Thành An bao gồm khoản phải trả tiền cấp vốn lưu động và các khoản phải trả khác.
- (ii) Trong năm 2023, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam đã thu nợ gốc của Công ty số tiền 10.500.000.000 đồng từ việc thanh lý tài sản của bên thứ ba là gia đình ông Nguyễn Bá Uyển là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113030208, hồ sơ gốc số 2801.2001.QĐUB/14747.2001 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 16/05/2001. Theo đó Công ty đang ghi nhận khoản phải trả ông Nguyễn Bá Uyển với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ ngắn hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (i)	25.822.936.518	-	-	1.301.000.000	27.123.936.518	-
Vay cá nhân	2.202.453.483	-	850.000.000	150.000.000	1.502.453.483	-
Cộng vay ngắn hạn	28.025.390.001	-	850.000.000	1.451.000.000	28.626.390.001	-
Cộng: Vay dài hạn đến hạn trả	58.258.447.416	-			68.758.447.416	-
Tổng	86.283.837.417	-			97.384.837.417	-
Trong đó: Vay ngắn hạn với bên liên quan	700.000.000	-			-	-
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</i>						
b. Vay và nợ dài hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (i)	58.258.447.416	-	-	10.500.000.000	68.758.447.416	-
Cộng vay dài hạn	58.258.447.416	-	-	10.500.000.000	68.758.447.416	-
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	58.258.447.416	-			68.758.447.416	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	58.258.447.416	-			68.758.447.416	-
Tổng	-	-			-	-

(*) Do tình hình tài chính của Công ty đang khó khăn nên Công ty chưa xác định có khả năng trả các khoản nợ này. Tài sản đảm bảo đang được Ngân hàng thanh lý, phát mại để thu hồi nợ gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (i) Khoản vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng từng lần. Mục đích của khoản vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng Bảo đảm sau:
- Hợp đồng số 45/2009/TCVN ngày 25/09/2009. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất của ông Trần Hữu Phúc;
 - Hợp đồng số 06/2007/HĐ ngày 20/06/2007. Tài sản bảo đảm là hệ lò nung Clinker, máy xúc, dây chuyền nghiền 88.000 tấn, nhà xưởng vật kiến trúc và máy móc thiết bị hỗ trợ khác;
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐTC ngày 24/05/2011. Tài sản bảo đảm là vật kiến trúc và thiết bị trạm xăng dầu;
 - Hợp đồng số 50/2009/HĐTC ngày 28/12/2009. Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị hình thành từ dự án "Đầu tư mở rộng công đoạn nghiền xi măng công suất 200.000 tấn xi măng/ năm".
 - Hợp đồng số 51/2009/HĐTC ngày 28/12/2009. Tài sản bảo đảm là nhà xưởng, vật kiến trúc hình thành từ dự án "Đầu tư mở rộng công đoạn nghiền xi măng công suất 200.000 tấn xi măng/ năm".

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nam đã quá hạn thanh toán.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.408.773.482	557.613.600	(198.296.258.433)	(184.329.871.351)
Lỗi trong năm	-	-	(6.990.349.458)	(6.990.349.458)
Số dư đầu năm nay	13.408.773.482	557.613.600	(205.286.607.891)	(191.320.220.809)
Lãi trong năm	-	-	97.254.273	97.254.273
Sô dư cuối năm nay	13.408.773.482	557.613.600	(205.189.353.618)	(191.222.966.536)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	6.831.580.000	6.831.580.000
Vốn của các cổ đông khác	6.577.193.482	6.577.193.482
Cộng	13.408.773.482	13.408.773.482

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.340.877	1.340.877
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.340.877	1.340.877
- Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.340.877	1.340.877
- Cổ phiếu phổ thông	1.340.877	1.340.877
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phần

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.691.672.907	2.269.527.268
Cộng	1.691.672.907	2.269.527.268

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.030.610.408	8.351.284.008
Cộng	3.030.610.408	8.351.284.008

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265.201	176.152
Cộng	265.201	176.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	309.853.774	18.000.000
Chi phí phân bổ CCDC	2.152.988	1.252.428
Thuế, phí và lệ phí	219.130.200	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	141.312.713	358.752.359
Cộng	672.449.675	381.004.787

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập khoản tiền phải trả các đối tượng đã trích các năm	2.203.131.584	-
Thu nhập khác	9.859.531	-
Cộng	2.212.991.115	-

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	104.614.867	516.061.083
Cộng	104.614.867	516.061.083

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	97.254.273	(6.990.349.458)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(97.254.273)	516.061.083
Các khoản điều chỉnh tăng	104.614.867	516.061.083
Chi phí phạt chậm nộp thuế	104.614.867	516.061.083
Các khoản điều chỉnh giảm	(201.869.140)	-
Chuyển lỗ các năm trước	(201.869.140)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(6.474.288.375)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số lỗ ước tính có thể khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số thuế được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
2018	(9.641.640.045)	-	201.869.140	(9.439.770.905)
2019	(8.088.846.375)	-	-	(8.088.846.375)
2020	(8.321.043.141)	-	-	(8.321.043.141)
2021	(7.889.685.859)	-	-	(7.889.685.859)
2022	(6.990.349.458)	-	-	(6.990.349.458)
Cộng	(40.931.564.878)	-	201.869.140	(40.729.695.738)

8. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	97.254.073	(6.990.349.458)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	97.254.073	(6.990.349.458)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.340.877	1.340.877
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73	(5.213)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	73	(5.213)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam
Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh
Bà Nguyễn Thúy Phương

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Chủ tịch HĐQT
Tổng giám đốc

Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	1.653.491.089	2.250.436.359
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	1.653.491.089	2.250.436.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả ngắn hạn khác	-	300.000.000
Bà Bùi Thị Nguyên Hạnh	-	300.000.000
Bà Nguyễn Thúy Phương	-	-
Vay	700.000.000	-
Bà Nguyễn Thúy Phương	700.000.000	-

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Nguyễn Thúy Phương	12.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Đình Công	72.003.200	6.000.000
Cộng	84.003.200	12.000.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số chỉ tiêu đầu năm đã được điều chỉnh, phân loại lại để phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh, cụ thể:

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2022 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Tại ngày 01/01/2023 (Sau điều chỉnh)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	97.384.837.417	-	97.384.837.417
I. Nợ ngắn hạn	310	28.626.390.001	68.758.447.416	97.384.837.417
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28.626.390.001	68.758.447.416	97.384.837.417
II. Nợ dài hạn	330	68.758.447.416	(68.758.447.416)	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	68.758.447.416	(68.758.447.416)	-

Nguyễn Anh Dũng
Người lập biểu

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thúy Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 03 năm 2024